

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững thị xã Bỉm Sơn năm 2017

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ- UBND ngày 04 tháng 01 năm 2017 của UBND Tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND Tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017.

UBND Thị xã Bỉm Sơn xây dựng Kế hoạch Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn Thị xã năm 2017, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG:

Thực hiện chương trình giảm nghèo với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp, công tác tổ chức triển khai thực hiện của các cấp ngành chuyên môn Thị xã, cùng sự phối hợp hưởng ứng tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Đoàn thể và sự nỗ lực của nhân dân địa phương đã đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được cải thiện. Đầu năm 2016 theo chuẩn nghèo đa chiều, toàn thị xã có 505 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3.19% tổng số hộ toàn Thị xã (trong đó: khu vực thành thị là 3.08%; khu vực nông thôn là 3.85%); hộ cận nghèo là 509 hộ, chiếm tỷ lệ 3,21%. Đến cuối năm 2016 toàn thị xã có 428 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2.69% tổng số hộ toàn Thị xã (trong đó: khu vực thành thị là 2.62%; khu vực nông thôn là 3.12%); hộ cận nghèo là 459 hộ, chiếm tỷ lệ 2.89%.

- Có 124 hộ chiếm 29% hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội (là những hộ không có lao động, chỉ có người cao tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội, không có khả năng thoát nghèo); còn lại 71% hộ thuộc chính sách giảm nghèo (là những hộ có lao động, tư liệu sản xuất, có khả năng thoát nghèo).

- Trong các tiêu chí đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, có 45.33% hộ nghèo có ít nhất một thành viên từ 6 tuổi trở lên không có BHYT, 13.32% hộ nghèo đang ở nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ, 14.25 % hộ nghèo đang sử dụng hố xí/nhà tiêu chưa hợp vệ sinh; 8.88% hộ nghèo không có thành viên nào sử dụng điện thoại và Internet. 4.44% hộ nghèo có diện tích nhà ở bình quân đầu người dưới 8m²/người; 8.88 % hộ nghèo không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh; những chỉ số khác về giáo dục, y tế và tiếp cận thông tin có mức độ thiếu hụt thấp hơn.

(Có Phụ lục 4d và Phụ lục 5a chi tiết kèm theo).

Các nguyên nhân dẫn đến nghèo (của những hộ nghèo có khả năng thoát nghèo) gồm: thiếu vốn phát triển sản xuất chiếm 20.3%; thiếu đất canh tác chiếm 0.74%; thiếu phương tiện sản xuất chiếm 1.85%; thiếu lao động 19.93%; thiếu việc làm chiếm 4.8%; thiếu tay nghề chiếm 5.54%; đông người phụ thuộc chiếm 7.01%; có người ốm đau dài ngày chiếm 26.57%; mắc tệ nạn xã hội chiếm 2.58%; chây lười lao động, chỉ tiêu chưa hợp lý 0.55% và các nguyên nhân khác chiếm 10.15% (mỗi hộ nghèo thu thập tối đa 2 nguyên nhân nghèo).

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân đặc biệt là ở khu vực nông thôn, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, giảm nghèo gắn với các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, với các chính sách an sinh xã hội và Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2017:

a) Giảm tỷ lệ hộ nghèo:

+ Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,4%,

TT	Đơn vị	Số hộ	Hộ nghèo đầu năm 2017	Tỷ lệ	Dự kiến HN cuối năm 2017	Dự kiến tỷ lệ HN cuối năm 2017
1	X. Hà Lan	915	36	3.93	30	3.28
2	X. Quang Trung	1296	33	2.55	29	2.24
3	P. Bắc Sơn	2317	59	2.55	51	2.2
4	P. Lam Sơn	2451	64	2.61	55	2.24
5	P. Ba Đình	2799	41	1.46	36	1.29
6	P. Ngọc Trạo	2034	69	3.36	57	2.80
7	P. Đông Sơn	2458	69	2.81	59	2.40
8	P. Phú Sơn	1629	57	3.50	47	2.89
	Cộng	15,899	428	2.69	364	2.29

b) Nâng cao mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Phân đầu không còn tình trạng trẻ em trong độ tuổi (05-15) không đi học
- Đảm bảo 100% khẩu cận nghèo mua thẻ bảo hiểm y tế (tương ứng tác động để khoảng 1588 khẩu cận nghèo có thẻ bảo hiểm y tế).
- Đảm bảo 100% hộ nghèo có nhu cầu được vay vốn của Ngân hàng chính sách.

- Phần đầu **90%** hộ nghèo có nhà ở kiên cố; **98%** hộ nghèo đảm bảo diện tích tối thiểu $8m^2$ /người trở lên

- Phần đầu 95% hộ nghèo có hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Phần đầu 100% hộ nghèo được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh.

- Phần đầu 100% hộ nghèo được tiếp cận dịch vụ thông tin truyền thông.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, đối với công tác giảm nghèo:

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp:

- Cấp ủy, chính quyền xã, phường đăng ký phần đầu mục tiêu giảm nghèo; đưa mục tiêu giảm nghèo vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu các địa phương.

- Trong xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, HĐND, UBND Thị xã, xã, phường phải dành nguồn lực ưu tiên cho công tác giảm nghèo.

- Phát động phong trào thi đua giữa các cơ quan, ban, ngành, các xã, phường, các khu phố/thôn trong công tác giảm nghèo, gắn với việc phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức và từng cán bộ, đảng viên phụ trách, giúp đỡ nhóm hộ hoặc từng hộ nghèo.

- Thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo và bộ phận tham mưu, giúp việc Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp; bố trí cán bộ làm công tác giảm nghèo Thị xã, cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách lao động, thương binh và xã hội cấp xã.

- Tăng cường vai trò chủ động của cấp xã, cộng đồng khu phố/thôn trong việc kiểm tra, giám sát, đối thoại giảm nghèo, tiếp nhận thông tin phản ánh của báo chí, người dân để kịp thời phát hiện và khắc phục những sai sót, khó khăn, vướng mắc trong công tác giảm nghèo.

1.2. Phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức đoàn thể trong công tác giảm nghèo:

- MTTQ và các tổ chức đoàn thể các cấp chủ trì, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, giảm nghèo và làm giàu chính đáng trong các tổ chức thành viên, hội viên, đoàn viên, huy động đa dạng nguồn lực cho công tác giảm nghèo. Mỗi tổ chức thành viên lựa chọn, đăng ký thực hiện các công việc cụ thể để hỗ trợ, giúp đỡ các hội viên giảm nghèo, giúp đỡ các xã phường, khu phố/thôn và hộ nghèo thực hiện giảm nghèo.

- Nâng cao vai trò, năng lực của các tổ chức, các thiết chế xã hội ở khu phố/thôn, đặc biệt là vai trò, năng lực của các Tổ vay vốn tự quản, Tổ An ninh xã hội ở khu dân cư, gia đình, dòng họ để tương trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Thường xuyên tổng kết, đánh giá; kịp thời phát hiện và nhân rộng những gương điển hình tiên tiến, những mô hình sản xuất hiệu quả; tôn vinh, khen

thường kịp thời những tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác giảm nghèo.

1.3. Khen thưởng những hộ nghèo, hộ cận nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo và những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác giảm nghèo:

- Các xã, phường tổ chức cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo đăng ký thoát nghèo và dành một phần kinh phí từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác để khen thưởng, động viên, khích lệ những hộ nghèo, hộ cận nghèo, khu phố/thôn, xã phường đăng ký thoát nghèo.

- Khen thưởng cho những đơn vị có nhiều giải pháp, sáng kiến vươn lên thoát nghèo; khen thưởng, vinh danh những mô hình sản xuất giỏi, hiệu quả; những doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo, khu phố/thôn, xã, phường vươn lên thoát nghèo.

2. Từ kết quả rà soát, thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo để có giải pháp hỗ trợ giảm nghèo đến từng hộ, từng địa phương

Trên cơ sở phân tích dữ liệu hộ nghèo, từng xã, phường xây dựng kế hoạch giảm nghèo cụ thể. Trong đó, cần xác định rõ các giải pháp để tác động vào các nguyên nhân nghèo trong xã, phường cụ thể như:

- Đối với những hộ thiếu vốn: Từng xã, phường xác định rõ nhu cầu vay vốn của từng hộ nghèo, hộ cận nghèo; đầu mối chặt chẽ với Ngân hàng chính sách xã hội. Đảm bảo 100% hộ nghèo của xã, phường có nhu cầu được vay đủ vốn với lãi suất ưu đãi. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội của Thị xã vay vốn từ các chương trình từ nguồn của các Hội để phát triển kinh tế thoát nghèo.

- Đối với những hộ thiếu phương tiện sản xuất, kinh doanh: Thông qua các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nguồn vốn tín dụng ưu đãi hỗ trợ người nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi để đầu tư, mua sắm các loại máy móc, nông cụ, thiết bị chuyển đổi sang các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác có thu nhập ổn định, tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo. Phấn đấu 100% hộ nghèo của xã, phường có nhu cầu được hỗ trợ hoặc vay vốn ưu đãi để mua phương tiện sản xuất, kinh doanh.

- Đối với những hộ thiếu đất sản xuất: Các xã, phường rà soát, xác định cụ thể số hộ có nhu cầu đất sản xuất. Phấn đấu hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ nghèo ở những nơi có quỹ đất; những hộ còn lại không thể hỗ trợ đất sản xuất thì tập trung hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm phù hợp.

- Đối với những hộ không có tay nghề, không biết cách làm ăn: đẩy mạnh tư vấn hướng nghiệp và đào tạo nghề tại chỗ cho lao động chưa có tay nghề; đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... hoặc thành lập các tổ, nhóm để người có tay nghề, kiến thức hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ nhau phát triển sản xuất kinh doanh. Phấn đấu 100% hộ nghèo có lao động của xã, phường được đào tạo nghề, tập huấn, giúp đỡ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và hướng dẫn cách làm ăn.

- Đối với những hộ thiếu việc làm: Từng xã, phường xác định cụ thể yêu cầu về số lượng, độ tuổi, việc làm cần giải quyết hàng năm, ngành nghề, lĩnh vực, quy mô,... Tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp. Phân đầu 100% hộ nghèo của xã, phường trong độ tuổi lao động được giải quyết việc làm hoặc xuất khẩu lao động.

- Đối với những hộ thiếu lao động, đông người phụ thuộc hoặc chây lười lao động, chỉ tiêu không hợp lý: Cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể xã, phường khu phố/thôn và cán bộ, đảng viên tăng cường tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, động viên từng hộ thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình; tích cực lao động sản xuất; đồng thời phê phán những hộ gia đình có đất, tư liệu sản xuất, sức lao động nhưng lại chây lười lao động; xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các hỗ trợ của nhà nước, thực hiện chỉ tiêu tiết kiệm; đồng thời, tăng cường trợ giúp giáo dục, y tế, dạy nghề cho những hộ nghèo có đông phụ thuộc là học sinh, sinh viên.

- Đối với những hộ có người ốm đau nặng dài ngày, mắc tệ nạn xã hội: thực hiện cứu trợ đột xuất, trợ giúp xã hội thường xuyên cho những hộ có các đối tượng là người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng bảo trợ xã hội; đẩy mạnh vận động các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng ưu tiên trợ giúp về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin để giảm bớt khó khăn, ổn định cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội.

3. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

3.1. Giáo dục và đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ và có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ gạo, tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên là con hộ nghèo.

- Khích lệ, động viên, khen thưởng người nghèo, cận nghèo tích cực học tập, nâng cao trình độ thông qua các phong trào “gia đình hiếu học”, “dòng họ hiếu học”, “cộng đồng hiếu học” gắn với xây dựng xã, thôn văn hóa, đạt chuẩn nông thôn mới và chuẩn xã hội học tập.

3.2. Y tế:

- Thực hiện tốt chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo; vận động các doanh nghiệp hỗ trợ các hộ cận nghèo mua thẻ bảo hiểm y tế;

3.3. Nhà ở:

Đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo theo hình thức cho vay tín dụng ưu đãi; đồng thời tập trung huy động đa dạng các nguồn lực, đặc biệt là nguồn hỗ trợ của các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm, từ nguồn Quỹ “Vì người nghèo” của UBM TTQ để hỗ trợ kinh phí xây dựng, cải tạo nhà ở; đảm bảo diện tích nhà ở bình quân đạt trên 8m²/người trở lên;

3.4. Nước sạch và vệ sinh môi trường:

- Huy động đa dạng các nguồn lực để hỗ trợ hộ nghèo xây dựng các công trình cấp nước sạch, xây bể chứa nước, đào giếng, khoan giếng hoặc tự tạo nguồn nước sạch sinh hoạt và xây dựng hố xí/nhà tiêu, cải tạo chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh. Phần đầu từ nay đến năm 2020 đạt tỷ lệ 100% hộ nghèo được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh và 95% hộ nghèo có hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh.

3.5. Tiếp cận thông tin:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ đưa thông tin, cung cấp sách, báo, tạp chí về cơ sở; thực hiện trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo, cận nghèo. Quan tâm xây dựng các thiết chế văn hóa xã, thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện để người dân nông thôn được hưởng thụ văn hóa. Phần đầu 60 hộ nghèo chưa có tài sản tiếp cận dịch vụ viễn thông, có tài sản để tiếp cận thông tin, đảm bảo 100% hộ nghèo được tiếp cận thông tin truyền thông.

4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, cận nghèo

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể; các cơ quan thông tin truyền thông Thị xã, xã, phường phải đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, tuyên truyền nhằm phổ biến kịp thời, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo. Biểu dương kịp thời các mô hình sản xuất giỏi, gương thoát nghèo điển hình tiên tiến; đồng thời phê phán những hộ gia đình, cá nhân có sức lao động, có đất và tư liệu sản xuất nhưng chây lười lao động, chi tiêu không hợp lý,... Từ đó, góp phần cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của nhà nước, cộng đồng; thực hiện tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt; khơi dậy ý chí, nỗ lực vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, cận nghèo.

5. Huy động vốn cho công tác giảm nghèo

Vốn thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2017:

- Nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo dự kiến trên 80 tỷ

- Vốn lồng ghép từ các dự án phát triển kinh tế - xã hội và đóng góp của người dân dự kiến trên 11 tỷ (Xây dựng nông thôn mới)

- Vốn, huy động hợp pháp khác (Quỹ vì người nghèo, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ và đóng góp của người dân cho mục tiêu giảm nghèo): 15.950 triệu đồng

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Phòng Lao động –TBXH:** Là cơ quan thường trực giúp BCĐ thị xã thực hiện các chương trình, mục tiêu giảm nghèo, chủ trì phối hợp với các ngành liên quan xây dựng các kế hoạch, giải pháp cụ thể, để tổ chức thực hiện, Chủ trì

thực hiện triển khai tập huấn chương trình giảm nghèo, rà soát lại hộ nghèo hằng năm, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình của các cơ quan liên quan đến công tác giảm nghèo- việc làm.

2. Phòng Tài chính- Kế hoạch: Cân đối, bố trí ngân sách cho BCD, các ngành, địa phương về các hoạt động giảm nghèo- việc làm. Tham mưu cho UBND thị xã để có các nguồn vốn giúp đỡ hộ nghèo;

3. Phòng Kinh tế: Tập huấn cho các hộ nghèo theo đề nghị của các xã, phường về công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây, con, mùa vụ, phát triển ngành nghề và giải quyết việc làm. Đồng thời phối hợp với Hội Doanh nghiệp thị xã thực hiện một số nhiệm vụ như: Tạo việc làm cho lao động thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo; kêu gọi các Doanh nghiệp tham gia giúp đỡ các Hộ nghèo và Cận nghèo;

4. Đài Truyền thanh - Truyền hình thị xã: Thường xuyên tuyên truyền các chế độ, chính sách và dự án giảm nghèo của Nhà nước, của địa phương để cho nhân dân hiểu rõ trách nhiệm thoát nghèo là của chính mình. Nêu gương điển hình những hộ có phương án sản xuất kinh doanh tốt để vươn lên thoát nghèo...

5. Ngân hàng chính sách xã hội: Đảm bảo đủ nguồn vốn vay khi có nhu cầu. Chỉ đạo hướng dẫn các chương trình, dự án vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm, cho vay xuất khẩu lao động và các chế độ chính sách khác.

6. Đề nghị MTTQ và các đoàn thể: Xây dựng chương trình cụ thể tham gia cùng chính quyền thực hiện các biện pháp giảm nghèo cho các hội viên của mình; MTTQ tích cực xây dựng "Quỹ vì người nghèo" và nghiên cứu việc sử dụng có hiệu quả nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo.

7. UBND các xã, phường:

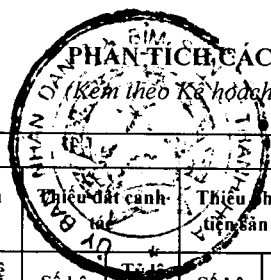
Trên cơ sở kế hoạch của thị xã, xây dựng kế hoạch và các giải pháp giảm nghèo cụ thể của đơn vị mình. Phân công trách nhiệm của từng cá nhân trong việc tổ chức thực hiện các chương trình; giám sát việc thực hiện và báo cáo kết quả về ban chỉ đạo Thị xã theo qui định./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ -TBXH (B/c);
- Thường trực TU, HĐND(B/c)
- UBND các xã phường;
- Thành viên BCD;
- Lưu .



Mai Đình Lâm



PHÂN TÍCH CÁC NGUYÊN NHÂN NGHÈO CỦA CÁC HỘ NGHÈO NĂM 2016

(Kèm theo Kế hoạch số: 228 /KH-UBND ngày 10/02/2016 của UBND Thị xã Bim Sơn)

Số TT	Đơn vị	Tổng số hộ theo nguyên nhân	Tổng số hộ nghèo còn khả năng giảm nghèo	Hộ nghèo do các nguyên nhân nghèo																					
				Thiếu vốn sản xuất		Thiếu đất canh tác		Thiếu phương tiện sản xuất		Thiếu Lao động		Có Lao động nhưng không có việc làm		Không biết cách làm ăn; không có tay nghề		Đồng người ăn theo		Có người ốm đau nặng dài ngày		Mắc tệ nạn xã hội		Chảy lười lao động; không chi tiêu hợp lý		Nguyên nhân khác	
				Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
<u>a</u>	<u>b</u>	<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>	<u>11</u>	<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>	<u>19</u>	<u>20</u>	<u>21</u>	<u>22</u>	<u>23</u>	<u>24</u>
A	Tổng cộng	542	304	110	20.30	4	0.74	10	1.85	108	19.93	26	4.80	30	5.54	38	7.01	144	26.57	14	2.58	3	0.55	55	10.15
I. Khu vực nông thôn		99	46	1	1.01	-	-	-	-	33	33.33	11	11.11	3	3.03	4	4.04	35	35.35	2	2.02	1	1.01	9	9.09
1	Xã Hà Lan	33	21		-		-		-	13	39.39		-		-		-	19	57.58	1	3.03		-		-
2	Xã Quang Trung	66	25	1	1.52		-		-	20	30.30	11	16.67	3	4.55	4	6.06	16	24.24	1	1.52	1	1.52	9	13.64
II. Khu vực thành thị		443	258	109	24.60	4	0.90	10	2.26	75	16.93	15	3.39	27	6.09	34	7.67	109	24.60	12	2.71	2	0.45	46	10.38
3	Phường Bắc Sơn	57	45	10	17.54	1	1.75		-	6	10.53		-	2	3.51	6	10.53	14	24.56	1	1.75		-	17	29.82
4	Phường Lam Sơn	96	48	8	8.33	3	3.13	4	4.17	13	13.54	6	6.25	14	14.58	17	17.71	17	17.71	5	5.21	2	2.08	7	7.29
5	Phường Ba Đình	72	36	36	50.00		-	2	2.78	2	2.78	3	4.17	4	5.56	1	1.39	17	23.61		-		-	7	9.72
6	Phường Ngọc Trao	69	61	30	43.48		-		-	13	18.84	6	8.70	3	4.35	4	5.80	13	18.84		-		-		-
7	Phường Đông Sơn	90	47	25	27.78	-	-	4	4.44	28	31.11	-	-	2	2.22	2	2.22	12	13.33	2	2.22	-	-	15	16.67
8	Phường Phú Sơn	59	21		-		-		-	13	22.03		-	2	3.39	4	6.78	36	61.02	4	6.78		-		-

UBND THỊ XÃ BÌM SƠN


PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN NGHÈO THEO CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN NĂM 2016
 (Kèm theo Kế hoạch số: **228** /KH-LĐTBXH ngày **10/02/2016** của UBND Thị xã Bim Sơn)

Số TT	Khu vực/Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Trong đó số hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số về										Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số so với tổng số hộ nghèo									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	Tổng cộng	428	102	194	26	1	57	19	38	61	38	11	23.83	45.33	6.07	0.23	13.32	4.44	8.88	14.25	8.88	2.57
I. Khu vực nông thôn		69	34	6	2	1	12	1	2	9	2	-	49.28	8.70	2.90	1.45	17.39	1.45	2.90	13.04	2.90	-
1	Xã Hà Lan	36	30	6									83.33	16.67	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Xã Quang Trung	33	4	0	2	1	12	1	2	9	2	0	12.12	-	6.06	3.03	36.36	3.03	6.06	27.27	6.06	-
II. Khu vực thành thị		359	68	188	24	-	45	18	36	52	36	11	18.94	52.37	6.69	-	12.53	5.01	10.03	14.48	10.03	3.06
3	Phường Bắc Sơn	59	23	58	0	0	0	0	0	0	0	0	38.98	98.31	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Phường Lam Sơn	64	4	49	1		16	10	2	12	10	4	6.25	76.56	1.56	-	25.00	15.63	3.13	18.75	15.63	6.25
5	Phường Ba Đình	41	33	17	3		5	2	15	16	11	3	80.49	41.46	7.32	-	12.20	4.88	36.59	39.02	26.83	7.32
6	Phường Ngọc Trạo	69	8	4	20		11	6	15	5			11.59	5.80	28.99	-	15.94	8.70	21.74	7.25	-	-
7	Phường Đông Sơn	69		60			8			11			-	86.96	-	-	11.59	-	-	15.94	-	-
8	Phường Phú Sơn	57					5	0	4	8	15	4	-	-	-	-	8.77	-	7.02	14.04	26.32	7.02